

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ
“V/v yêu cầu hủy việc kết hôn
trái pháp luật và công nhận
quan hệ hôn nhân”

Thanh Miện, ngày 25 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Xuân Thành**.

Thư ký phiên họp: Ông **Đào Quang Khuyến** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Lê Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-VDS, ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận kết hôn và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 13/2019/QĐST-VDS ngày 14 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn:** Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, đại diện theo pháp luật là ông Vũ Đình N - Chủ tịch UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân:** Anh Vũ Đức Đ, sinh ngày 03/5/1973 và chị Vũ Thị N, sinh ngày 06/12/1976;

ĐKKHKT: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H.

Anh Đ, chị N có mặt; ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27 tháng 8 năm 1993 của UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) vì xác định: Trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh Vũ Văn Đ, sinh ngày 03/5/1973 kết hôn với chị Vũ Thị N, sinh tháng 02/1975 là không đúng với ngày, tháng, năm sinh, tên đệm của anh Đ, chị N được thể hiện trong giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân thì anh Vũ Đức Đ, sinh ngày 03/5/1973, thời điểm đăng ký kết hôn ngày 27/8/1993 anh Đ được 20 tuổi, 03 tháng, 24 ngày tuổi đủ tuổi kết hôn,

chị Vũ Thị N, sinh ngày 06/12/1976 được 16 tuổi 08 tháng 21 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*” mới đủ tuổi đăng ký kết hôn vì vậy chị N khai sinh tháng 02/1975 để đủ tuổi đăng ký kết hôn là khai không đúng với ngày, tháng, năm sinh thực tế của chị N, nguyên nhân ghi nhầm tên đệm của anh Đ là anh Đ khai hay do sơ suất của cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn căn cứ vào tờ khai của anh Đ, chị N mà không yêu cầu anh chị xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra, đối chiếu cho chính xác dẫn đến đã gây khó khăn cho anh Đ, chị N và các con anh chị trong cuộc sống vì ngày, tháng, năm sinh, tên đệm của anh chị không khớp nhau. UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện phát hiện việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Đ, chị N là trái pháp luật, có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27 tháng 8 năm 1993 của UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) đã cấp cho anh Đ, chị N.

Anh Vũ Đức Đ, chị Vũ Thị N khi biết UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27 tháng 8 năm 1993 đã cấp cho anh chị, anh chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh và chị chưa đủ điều kiện kết hôn là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã Chi Lăng Bắc không có ý kiến gì. Việc ghi nhầm tên đệm của anh do lâu ngày anh không nhớ do anh khai hay cán bộ tư pháp ghi nhầm, sau khi có đăng ký kết hôn anh chị mang về cất đi không để ý. Do thời điểm đăng ký chị N chưa đủ tuổi kết hôn dẫn đến khi khai sinh cho cháu Vũ Thị Thu N2 ghi năm sinh của mẹ là 1975. Sau khi đăng ký kết hôn đến nay vợ chồng chung sống vẫn vui vẻ, hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh được 03 con chung là Vũ Thị N1, sinh ngày 18/10/1994, Vũ Thị Thu N2, sinh ngày 04/8/2000, Vũ Đức B, sinh ngày 05/12/2011 và tài sản chung, vì ngày, tháng, năm sinh và tên đệm của anh Đ, chị N không khớp nhau nên trong cuộc sống của anh chị đã bị ảnh hưởng vì vậy anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị Nghĩa đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật

Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu của UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Tuyên hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27 tháng 8 năm 1993 của UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) đã cấp cho anh Vũ Đức Đ và chị Vũ Thị N.

+ Chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chị N: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức Đ, sinh ngày 03/5/1973 và chị Vũ Thị N, sinh ngày 06/12/1976; HKTT đều ở: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H, kể từ thời điểm chị N đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 06/12/1994.

- Về lệ phí: Anh Vũ Đức Đ và chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] *Về Tố tụng và Thẩm quyền giải quyết:* Anh Vũ Đức Đ và chị Vũ Thị N đều có hộ khẩu thường trú: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H. UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) là nơi đăng ký kết hôn cho anh Đ, chị N vậy UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27 tháng 8 năm 1993 đã cấp cho anh Đ, chị N. Anh Đ, chị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị N đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân đã có đủ căn cứ chứng minh anh Vũ Đức Đ, sinh ngày 03/5/1973 và chị Vũ Thị N, sinh ngày 06/12/1976, thời điểm đăng ký kết hôn anh Đ được 20 tuổi, 03 tháng, 24 ngày tuổi đủ tuổi kết hôn, chị Vũ Thị N được 16 tuổi 08 tháng 21 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, để được đăng ký kết hôn chị N khai sinh tháng 02/1975 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của anh Đ, chị N, UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) đã đăng ký kết hôn cho anh Vũ Đức Đ, chị Vũ Thị N là vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”; Điều 9 quy định: “Việc kết hôn vi phạm một trong các điều 5,6,7 của Luật này là trái pháp luật”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 8 năm 1993 chị N chưa đủ tuổi kết hôn, việc UBND xã Chi Lăng Bắc đã đăng ký kết hôn cho anh Đ, chị N là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện có đơn yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn đã cấp cho anh Đ, chị N là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại thời điểm UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn đã cấp cho anh Đ chị N; anh Đ, chị N đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung, tài sản chung nhưng vì do ngày, tháng, năm sinh, tên đệm của anh chị không khớp nhau nên đã bị ảnh hưởng trong cuộc sống của anh, chị và các con anh, chị. Anh Đ, chị N đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giấy khai sinh của cháu Vũ Thị Thu N2 ghi năm sinh của chị N là 1975, trong giấy khai sinh của cháu N1, cháu N2 cũng ghi tên đệm của anh Đ là *Văn* không đúng tên đệm trong chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị, anh chị đã có đơn đề nghị và được UBND xã Chi Lăng Bắc xác nhận Vũ Thị N sinh ngày 06/12/1976 với Vũ Thị N, sinh tháng 2/1975 là một người, Vũ Đức Đ và Vũ Văn Đ là một người.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Vũ Đức Đ, chị Vũ Thị N có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Anh Đ, chị N thỏa thuận anh Đ chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về việc hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27 tháng 8 năm 1993 của UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) đã cấp cho anh Vũ Đức Đ, chị Vũ Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chị N: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức Đ, sinh ngày 03/5/1973 và chị Vũ Thị N, sinh ngày 06/12/1976; HKTT đều ở: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H, kể từ thời điểm chị N đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 06/12/1994.

Anh Vũ Đức Đ và chị Vũ Thị N có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Anh Vũ Đức Đ tự nguyện chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0003007 ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Người yêu cầu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Chi Lăng Bắc;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Những người yêu cầu;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP

Bùi Xuân Thành